

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 01 - 2026

V/v Tranh chấp "Ly hôn
nuôi con chung "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận

2. Bà Trần Thị Mộng Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ - sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Tống Ngọc G, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

(Anh Đ có mặt, chị G vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn Đ trình bày:***

Anh và chị G trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau năm 2012 (không tổ chức đám cưới), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/8/2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị G đi làm ở Bình Dương lúc đầu thì 3-4 tháng về thăm nhà một lần. Sau đó, thì không chịu về nên vợ chồng

sống ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay. Đã nhiều lần anh yêu cầu chị G về chung sống nhưng chị G không về. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn chăm sóc nhau nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị G; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ánh T - sinh ngày 06/5/2013 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tống Ngọc G đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang nhận thấy như sau:

Về hôn nhân anh Đ, chị G tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục duy trì được nữa. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung, hiện cháu đang ở với anh Đ, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo cho chị G nhưng chị G không thể hiện ý kiến về việc anh Đ yêu cầu được nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Anh Lê Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con chung” giữa anh và chị G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

khu vực nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Chị G là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng; nhưng chị không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị G không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị G.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Tống Ngọc G trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012. Anh chị có đến Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang) đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau, bỏ mặc mạnh ai người đó sống, đã nhiều lần anh Đ yêu cầu chị G về sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị G đi làm thuê ở Bình Dương không chịu về, vợ chồng chung sống đến tháng 6/2025 thì ly thân. Anh Đ, chị G cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đối với chị G, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc anh Đ yêu cầu được ly hôn; nhưng chị G không có ý kiến gì về việc anh Đ yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh Đ và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Lê Văn Đ được ly hôn với chị Tống Ngọc G.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 01 người con chung tên Lê Ánh T - sinh ngày 06/5/2013, hiện cháu T đang sống cùng với anh Đ, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị G không có ý kiến phản hồi về yêu cầu trên của anh Đ. Mặt khác, tại bản tự khai cháu T có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn, cháu yêu cầu được ở với cha. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định

của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003346 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Đ đã nộp đủ.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Lê Văn Đ được ly hôn với chị Tổng Ngọc G.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Ánh T - sinh ngày 06/5/2013 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Giàu có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003346 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Đ đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Anh Đ được tính kể ngày tuyên án (ngày 28/01/2026). Chị G được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

- Nơi nhận:*
- TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh, cùng cấp;
 - Phòng thi hành án;
 - Đương sự;
 - UBND xã;
 - Lưu hồ sơ, Vp

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên